



THỰC TRẠNG VÀ CƠ HỘI VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN NGÀNH VIỆT NAM HỌC, TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ, ĐẠI HỌC HUẾ

Dương Thị Nhung

Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế, 57 Nguyễn Khoa Chiêm tp Huế, Việt Nam

Tác giả liên hệ: **Dương Thị Nhung** <dt Nhung@hueuni.edu.vn>

(Ngày nhận bài: 24-09-2022; Ngày chấp nhận đăng: 16-10-2023)

Tóm tắt: Bài nghiên cứu với tiêu đề: “Thực trạng và cơ hội việc làm của sinh viên ngành Việt Nam học, trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế” đã chỉ ra những nội dung cơ bản liên quan đến ngành Việt Nam học, những cơ hội việc làm sau khi ra trường của sinh viên trên các lĩnh vực văn hoá, du lịch, giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài và một số lĩnh vực khác. Bên cạnh đó, ý kiến của cựu sinh viên về một số đề xuất của một số thay đổi trong chương trình đào tạo cũng đã gợi mở cho bài báo đưa ra một số giải pháp góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, cải thiện chất lượng nguồn nhân lực nhằm góp phần gia tăng thêm cơ hội việc làm cho sinh viên ngành Việt Nam học.

Từ khoá: Việt Nam học, sinh viên, chuẩn đầu ra, việc làm

JOB’S REALITY AND OPPORTUNITY FOR STUDENTS OF VIETNAMESE STUDIES DEPARTMENT, UNIVERSITY OF FOREIGN LANGUAGES AND INTERNATIONAL STUDIES, HUE UNIVERSITY

Duong Thi Nhung

¹University of Foreign Languages, Hue University - 57 Nguyen Khoa Chiem St., Hue, Vietnam

* Correspondence to **Duong Thi Nhung** <dt Nhung@hueuni.edu.vn>

(Received: September 24, 2022; Accepted: Oktober 16, 2023)

Abstract: This research with title “job’s reality and opportunity for students of Vietnamese Studies Department, University of foreign languages and international studies, Hue university” points out some basic contents about Vietnamese Studies, job opportunities about culture, tourism and teaching Vietnamese languages for foreigners and other fields. Besides, former student’s positive feedback regard of education program structure change is an important key to improve the quality of education and human resources in order to increase more job opportunities for students of Vietnamese Studies Department.

Keyword: Vietnamese Studies, Student, Program Outcome Standard, Job

1. Đặt vấn đề

Ngành Việt Nam học đã trải gần 25 năm hình thành và phát triển. Với tư cách là một ngành khoa học, Việt Nam học đã dần xác lập, hoàn thiện, tạo ra bước chuyển quan trọng: từ Việt Nam học truyền thống tiến tới Việt Nam học hiện đại, gắn với khoa học phát triển, nghiên cứu các vấn đề có tính toàn cầu, đương đại trong bối cảnh địa phương hoá.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, Việt Nam vẫn đã và đang là “vùng đất hứa” thu hút số lượng lớn các tập đoàn, doanh nghiệp nước ngoài đầu tư. Điều này mở ra cơ hội nghề nghiệp lớn cho các cử nhân ngành Việt Nam học. Ngoài ra, việc làm cũng là một vấn đề đáng quan tâm trong quy chuẩn đầu ra của các trường đại học ở Việt Nam, trong đó có trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế.

Số lượng cơ sở đào tạo về Việt Nam học ở trong nước và nước ngoài ngày càng tăng dần đã thể hiện được xu thế phát triển của ngành học này, nhưng bản khoăn về một ngành học mới mẻ tuy vẫn còn như: “Ngành Việt Nam học là gì? Ngành Việt Nam học học gì? Ngành Việt Nam học ra trường làm nghề gì?”. Nhưng những bản khoăn đó phần nào được làm rõ thông qua kết quả nghiên cứu của bài báo, về những tiềm năng và cơ hội việc làm trên các lĩnh vực nghề nghiệp khác nhau vẫn đón chờ sinh viên ngành Việt Nam học.

Hiện nay, tỷ lệ sinh viên sau khi ra trường của khoa Việt Nam học, trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế làm việc trên các lĩnh vực liên quan tới ngôn ngữ, văn hoá, du lịch, giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài rất đa dạng với nhiều vị trí khác nhau. Ngoài việc sử dụng phương pháp phân tích SWOT để làm rõ điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức về vấn đề việc làm của sinh viên. Bài nghiên cứu này cũng sẽ chỉ ra một số cơ hội và xu hướng về thị trường việc làm của sinh viên tốt nghiệp từ ngành Việt Nam học, trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế. Ngoài ra, thông qua kết quả khảo sát, bài báo cũng chỉ ra được sự nhìn nhận, đánh giá từ đối tượng người học về nhu cầu công việc hiện tại gắn với nội dung đào tạo, đây cũng là một tiêu chí bài báo hướng tới nhằm hoàn thiện hơn mục tiêu nghiên cứu.

2. Cơ sở lý luận

2.1 Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Hiện nay, các đề tài nghiên cứu về tình hình và cơ hội việc làm của sinh viên ngành Việt Nam học tại trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế sau khi tốt nghiệp còn hạn chế, cho nên tác giả gặp nhiều khó khăn trong việc thu thập tài liệu. Tuy nhiên, cũng có một số nghiên cứu liên quan về ngành Việt Nam học ở Việt Nam và trên thế giới, việc làm trên lĩnh vực du lịch và một số thông tin về khung chương trình đào tạo có thể sử dụng làm cứ liệu so sánh, tác giả xin được giới thiệu tổng quan như sau:

Nguyễn Thị Việt Thanh, Phạm Thị Thương Thương, Lê Thúy Hằng (2019), “15 năm hoạt động đào tạo của Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển”, in Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc tế Khu vực học - Việt Nam học: Định hướng nghiên cứu và đào tạo, Hà Nội. Nghiên cứu này đã đưa ra số liệu thống kê về các cơ sở đào tạo Việt Nam học ở trong nước với các cấp bậc: cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ.

Võ Minh Giang (2018), “Sự phát triển của Việt Nam học tại một số nước trong thế kỷ XX”, Nxb. ĐHQG Hà Nội, Hà Nội. Nghiên cứu này đã giới thiệu tổng quan chung về vấn đề đào tạo ngành Việt Nam học tại một số nước trên thế giới trong thế kỷ XX.

Hồ Viết Hoàng, Trần Mai Phượng (2022), “Một số vấn đề cơ bản về Việt Nam học và Việt Nam học hiện đại”, Tạp chí Khoa học trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng, số đặc biệt 12/2022. Nghiên cứu này đã phân tích được tình hình phát triển của ngành Việt Nam học ở Việt Nam và trên thế giới, cụ thể từng quốc gia như: Nga, Hàn Quốc, Trung Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Hoa Kỳ, Campuchia, Thái Lan, Séc, Úc và một số nước Tây Âu.

Huỳnh Trường Huy, Đoàn Thị Tuyết Kha, Nguyễn Thị Tú Trinh (2019), Nhận thức nghề nghiệp của sinh viên ngành du lịch tại các trường cao đẳng, đại học trên địa bàn thành phố Cần Thơ, Tạp chí nghiên cứu dân tộc, số 8. Thông qua nghiên cứu này, tác giả cũng có thể so sánh được những nhu cầu, mong muốn và nhận thức ban đầu của sinh viên trên công việc liên quan đến du lịch.

Nguyễn Trọng Nhân, Nguyễn Mai Quốc Việt, Lý Mỹ Tiên (2015), Thực trạng việc làm của sinh viên ngành Việt Nam học (hướng dẫn viên du lịch) tốt nghiệp từ trường Đại học Cần Thơ, Tạp chí khoa học trường Đại học Cần Thơ, số 39. Từ nghiên cứu này, đề tài cũng có thêm cứ liệu so sánh về vấn đề việc làm trên lĩnh vực du lịch, từ đó có thể đưa ra những nhận định khách quan về xu hướng nghề nghiệp tương lai của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

Bên cạnh đó, thông qua Khung chương trình đào tạo ngành Việt Nam học, trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế, bài báo cũng đã có thêm cứ liệu để so sánh về nội dung đào tạo chuyên môn trên các mảng ngôn ngữ, văn hoá, du lịch, từ đó thông qua bảng khảo sát nghề nghiệp sau tốt nghiệp của sinh viên để có sự đối sánh trong dung lượng kiến thức đào tạo.

2.2 Giới thiệu chung về ngành Việt Nam học và ngành đào tạo cử nhân Việt Nam học tại trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế

2.2.1 Việt Nam học ở Việt Nam

Ngành Việt Nam học xuất hiện ở Việt Nam từ năm 1998. Theo số liệu thống kê hiện nay, ở Việt Nam đã có hơn 100 cơ sở đào tạo về Việt Nam học (Theo Nguyễn Thị Việt Thanh là 92 cơ sở [9]), ở bậc Cao đẳng, Đại học, Thạc sĩ (đơn vị đầu tiên đào tạo Thạc sĩ là Viện Việt Nam học và Khoa học Phát triển, ĐHQG Hà Nội, từ năm 2005 đến năm 2013), Tiến sĩ (hiện có 03 đơn vị được cấp phép: Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển, ĐHQG Hà Nội năm 2012; Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng năm 2020; Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG Thành phố Hồ Chí Minh năm 2022).

Ngành Việt Nam học tuy là một ngành mới nhưng đã có nhiều thành công đáng kể, đặc biệt quan trọng trong tiến trình Việt Nam đang xây dựng và hội nhập sâu rộng vào quốc tế.

Ngành Việt Nam học (Vietnamese Studies) là ngành khoa học chuyên nghiên cứu về đất nước và con người Việt Nam từ những thành tố văn hóa, lịch sử, địa lí, phong tục tập quán, ngôn ngữ, văn học... để qua đó làm rõ những nét riêng độc đáo, nghiên cứu toàn diện và đa dạng những lĩnh vực của một quốc gia trên góc nhìn văn hóa. Ngành Việt Nam học có sứ mạng cao cả trong việc truyền bá văn hóa Việt Nam ra thế giới, làm cầu nối văn hóa giữa Việt Nam và bạn bè thế giới, góp phần quan trọng trong quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam trong bối cảnh đương đại.

Không chỉ dừng lại việc nghiên cứu không gian truyền thống, Việt Nam học hiện đại là khoa học cơ bản, liên ngành, ứng dụng mà trên cơ sở đó phân tích, đánh giá các chiều cạnh để xây dựng không gian phát triển, hướng đến phát triển bền vững để giải quyết những vấn đề đương đại có tính toàn cầu như: biến đổi khí hậu, môi trường, khủng bố, dịch bệnh... và giải pháp cụ thể.

Từ những kiến thức đã được học và rèn luyện, sinh viên ngành Việt Nam học sau khi tốt nghiệp có thể tìm thấy công việc phù hợp, có khả năng vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn nghề nghiệp; Có tinh thần cầu tiến, khả năng tự học hỏi, làm việc nhóm và thích ứng với môi trường làm việc tại Việt Nam, có liên quan đến Việt Nam hoặc môi trường đa văn hoá.

Hiện nay, cử nhân Việt Nam học có nhiều cơ hội nghề nghiệp như: Giảng dạy, nghiên cứu tiếng Việt tại các cơ sở giáo dục; Biên - Phiên dịch tiếng Việt trong các cơ quan kinh tế, ngoại giao, giáo dục, truyền thông của nước ngoài; Hướng dẫn viên du lịch; Giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài; Làm việc cho các tổ chức quốc tế có hợp tác, trao đổi với Việt Nam...

Trong bối cảnh phát triển chung, hiện trên lãnh thổ Việt Nam có rất nhiều trường đào tạo ngành Việt Nam học, cụ thể:

Các trường đào tạo ngành Việt Nam học khu vực phía Bắc	Các trường đào tạo ngành Việt Nam học khu vực miền Trung	Các trường đào tạo ngành Việt Nam học khu vực phía Nam
- Đại học KHXH & NV (Đại học Quốc gia Hà Nội) - Đại học Sư phạm Hà Nội - Đại học Sư phạm Hà Nội 2 - Đại học Thủ đô Hà Nội - Đại học Thăng Long - Đại học Sao Đỏ - Đại học Thành Đô - Đại học Hải Phòng...	- Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế - Đại học Quảng Nam - Đại học Sư Phạm - Đại học Đà Nẵng - Đại học Duy Tân - Đại học Quy Nhơn - Đại học Vinh...	- Đại học KHXH & NV TP.HCM - Đại học Nguyễn Tất Thành - Đại học Văn Hiến - Đại học Quốc tế Hồng Bàng - Đại học Đồng Tháp - Đại học An Giang - Đại học Cần Thơ - Đại học Sài Gòn - Đại học Sư phạm TP.HCM - Đại học Tôn Đức Thắng...

2.2.2 Việt Nam học ở trên thế giới

Hiện nay, số lượng cơ sở nghiên cứu và đào tạo về Việt Nam học ở Việt Nam và trên thế giới tương đối nhiều. Các cơ sở đào tạo có quan điểm tiếp cận Việt Nam học theo hướng khác nhau như: khoa học chuyên ngành (Sử học, Chính trị học, Văn hóa học, Văn học, Kinh tế học), đa ngành và có tiếp cận liên ngành (Khu vực học Lịch sử, Khu vực học Chính trị, Khu vực học Văn hóa...) hoặc trường phái Đất nước học (xem Việt Nam học là khoa học nghiên cứu về đất nước, con người, lịch sử, văn hóa, chính trị..., thiên về khoa học xã hội và nhân văn). Theo thống kê tình hình phát triển ngành Việt Nam học ở trên thế giới của tác giả Hồ Việt Hoàng [5], cụ thể như sau:

Tại Liên Xô - Liên bang Nga: giảng dạy tiếng Việt tại Trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Leningrad vào năm 1954; giảng dạy tiếng Việt tại Bộ môn Ngữ văn học Đông Nam Á (chuyên ngành Ngữ văn học Việt Nam, Ngữ văn học Việt - Khmer và Ngữ văn học Việt - Trung) và Bộ môn Lịch sử các nước Viễn Đông (chuyên ngành Lịch sử Việt Nam, Lịch sử Việt - Trung), chuyên ngành Du lịch Đông Nam Á, Trường Đại học Tổng hợp Quốc gia St. Peterburg; Viện Hồ Chí Minh của Trường Đại học Tổng hợp Quốc gia St. Peterburg thành lập năm 2010...

Tại Hàn Quốc: Khoa tiếng Việt và Việt Nam học thuộc Đại học các ngôn ngữ phương Đông, Đại học Ngoại ngữ Hàn Quốc được thành lập vào tháng 12 năm 1966 (trên cơ sở tiền thân là Khoa tiếng Việt); Khoa tiếng Việt ở Trường Đại học Ngoại ngữ Busan thành lập năm

1991; Bộ môn tiếng Việt ở Trường Đại học Youngsan thành lập năm 1995; Khoa Việt Nam học ở Trường Đại học Chungwoon thành lập năm 1998. Năm 2013, Hàn Quốc chính thức đưa tiếng Việt trở thành một trong tám ngoại ngữ thứ hai trong kỳ thi quốc gia (tốt nghiệp phổ thông và thi vào đại học). Chuyên ngành tiếng Việt còn được đào tạo ở Khoa Ngôn ngữ và Văn minh Đông Nam Á, Trường Đại học Quốc gia Seoul; Khoa Việt Nam và Indonesia, Trường Đại học Ngoại ngữ Cyber Hàn Quốc; Trường Đại học Yeungnam; Trường Đại học Chosun; Trường Đại học Công giáo Deagu; Đại học Dankuk (2021)...

Tại Trung Quốc: hiện có khoảng hơn 20 Trường Đại học ở Trung Quốc mở chuyên ngành tiếng Việt đào tạo cấp Cử nhân (tiêu biểu như: Trường Đại học Bắc Kinh, Trường Đại học Ngoại ngữ Bắc Kinh, Trường Đại học Ngoại ngữ Thượng Hải, Đại học Ngoại ngữ Ngoại thương Quảng Đông; Đại học Dân tộc Quảng Tây; Đại học Dân tộc Vân Nam; Đại học Ngoại ngữ Tứ Xuyên; Đại học Sư phạm Vân Nam; Đại học Vân Nam; Học viện Ngoại ngữ Quảng Tây; Đại học Nông nghiệp Vân Nam...). Ngoài ra còn có số lượng trường Trung cấp, Cao đẳng giảng dạy tiếng Việt cho học sinh, sinh viên (như riêng Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây đã có 30 cơ sở giảng dạy tiếng Việt).

Tại Nhật Bản: Khoa tiếng Việt, Đại học Ngoại ngữ Tokyo được thành lập năm 1964; Bộ môn tiếng Việt, thuộc khoa Ngoại ngữ, Đại học Osaka thành lập 1977; Bộ môn tiếng Việt, Khoa Ngôn ngữ Châu Á, Trường Đại học Ngoại ngữ Kanda thành lập năm 2001; chuyên ngành tiếng Việt, Khoa Quốc tế, Trường Đại học Nữ Showa được thành lập năm 2016; Bộ môn tiếng Việt, Khoa Ngôn ngữ Á - Âu, Học viện Ngoại ngữ Kanda; Ngoài ra, còn có một số trường có giảng dạy tiếng Việt như ngoại ngữ tự chọn: Đại học Châu Á Thái Bình Dương, Đại học Daitobunka, Trường THPT Quốc tế Kanto, Tokyo...

Tại Đài Loan: Trung tâm nghiên cứu Việt Nam, Đại học Quốc gia Thành Công; Khoa Ngôn ngữ và Văn học Đông Nam Á, Đại học Quốc gia Cao Hùng...

Tại Hoa Kỳ: từ sau chiến tranh Thế giới thứ 2, ở Mỹ, phương Tây và Nhật Bản ngành Khu vực học đã ra đời để phục vụ cho vấn đề địa - chiến lược, địa - chính trị, và những vấn đề toàn cầu trong suốt thời kỳ chiến tranh Lạnh. Đến năm 1965 đã có 125 Trường đại học có nghiên cứu, đào tạo về Khu vực học. Trong đó, nhiều Khoa phương Đông học, Đông Nam Á học thuộc các Trường Đại học danh tiếng được thành lập như: Đại học Cornell, Đại học Yale, Đại học Columbia... Mới đây, tháng 06/2022, ngành Việt Nam học, Đại học Columbia được thành lập, mở ra nhiều cơ hội hợp tác nghiên cứu, giảng dạy về Việt Nam học nói chung và tiếng Việt nói riêng.

Tại Campuchia: trên cơ sở Bộ môn/Khoa tiếng Việt được tổ chức giảng dạy tại các Trường Đại học hàng đầu ở Campuchia, bắt đầu từ giai đoạn 1978 đến nay, khoa tiếng Việt, Việt Nam học đã được thành lập và mới nhất (23/08/2022) là Khoa Việt Nam học, Đại học Hoàng gia Phnom Penh.

Tại Thái Lan: chương trình Cử nhân chuyên ngành tiếng Việt du lịch được thực hiện từ năm 2012 tại Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Hoàng gia Udon Thani; Đại học Sakon Nakhon; Trung tâm ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam (do Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế thành lập), Đại học Hoàng gia Buriram...

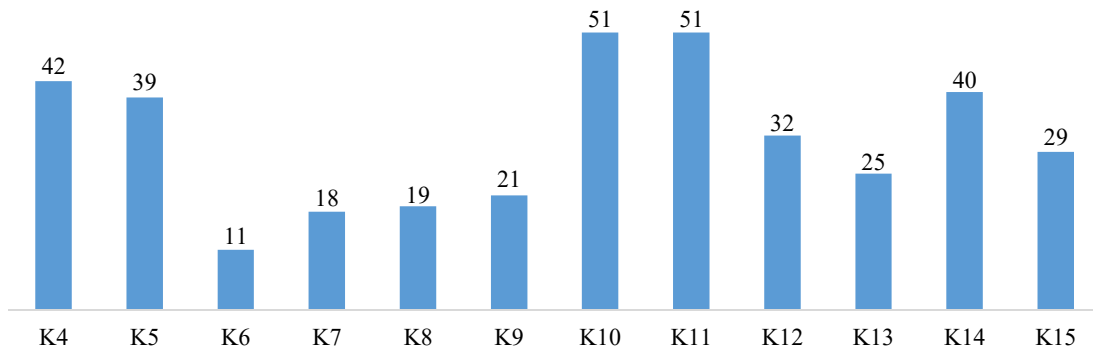
Tại Cộng hòa Séc: đào tạo Cử nhân ngành Việt Nam học ra đời năm 1961, tuyển sinh viên khóa đầu tiên của năm học 1961 - 1962 tại Viện Viễn đông, thuộc Khoa Triết, Trường Đại học Charles. Một điểm lưu ý là số liệu cộng đồng người Việt ở Cộng hòa Séc thời điểm năm 2015 là 56.958 người và đến năm 2013, cộng đồng người Việt được công nhận là một trong 14 dân tộc thiểu số sống trên địa bàn Cộng hòa Séc.

Tại Úc: theo số liệu của Cơ quan Thống kê Australia (ABS) công bố tổng điều tra dân số từ 2016 - 2021 cho thấy, năm 2021, số người nói tiếng Việt ở nhà là 320.758 người, đứng thứ 3 trong các ngôn ngữ phổ biến ở Úc (sau tiếng Arab và tiếng Hán). Số liệu người gốc Việt sống ở Úc thời điểm tháng 08/2021 là 334.785, trong đó có 257.997 người sinh ra ở Việt Nam, xếp thứ 2 trong nhóm di dân đến từ Đông Nam Á, sau Philippines. Nổi tiếng ở Đại học Victoria...

2.2.3 Ngành đào tạo cử nhân Việt Nam học tại trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế

Ngành Việt Nam học, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế cung cấp những kiến thức cơ bản, có hệ thống, hiện đại và thiết thực về Việt Nam học và tiếng Việt; Giúp người học có khả năng nghiên cứu đối chiếu ngôn ngữ - văn hóa Việt Nam với các dân tộc khác; Đào tạo người nước ngoài có khả năng giao dịch trực tiếp với người Việt và giới thiệu về đất nước, con người Việt Nam; Đào tạo đội ngũ cử nhân có kiến thức nghiệp vụ du lịch và có khả năng tổ chức, hướng dẫn các hoạt động du lịch.

Ngành Việt Nam học, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế được thành lập ngày 04/9/2005. Tính đến thời điểm hiện tại đã đào tạo được 12 khóa sinh viên, từ Việt Nam học K4 tới Việt Nam học K15 với số lượng sinh viên tuyển sinh thể hiện cụ thể ở biểu đồ 1.



Biểu đồ 1. Số lượng sinh viên tuyển sinh từ khoá 4 đến khoá 15

Số lượng sinh viên qua các giai đoạn có sự thay đổi bởi nhiều nguyên nhân khách quan lẫn chủ quan. Trong xu thế phát triển chung, ngành Việt Nam học xuất hiện vừa đáp ứng những nhu cầu về thị trường công việc, về nghiên cứu, về quảng bá văn hoá Việt Nam... của nước nhà, nhưng cũng vừa mang những nét đặc trưng riêng của địa điểm đào tạo ngành học đó. Ngành Việt Nam học tại trường Đại học Ngoại ngữ Huế, Đại học Huế mang nét đặc thù riêng so với ngành Việt Nam học ở một số trường đại học khác, đó là sinh viên có nhiều cơ hội tiếp cận với ngoại ngữ, một yếu tố rất quan trọng ảnh hưởng tới cơ hội việc làm sau khi ra trường của sinh viên.

Khoa Việt Nam học đào tạo cử nhân ngành Việt Nam học vào năm 2007. Từ khoá đầu tiên, Việt Nam học K4, một thế hệ sinh viên tuy đã ra trường và rất thành công nhưng những xúc cảm, những ký ức về khoảng thời gian đầu khi mới bước vào khoa, vào trường vẫn còn nguyên vẹn. Đó là những câu hỏi về ngành học: ngành Việt Nam học là gì?, ngành Việt Nam học học những nội dung gì?, ngành Việt Nam học ra trường sẽ làm việc ở đâu?... Tất cả những điều đó đều gây ra cảm giác hoang mang và lo lắng về một ngành học hoàn toàn mới lạ. Đây cũng là tâm lý chung của hầu hết sinh viên khi lựa chọn ngành học này.

Qua thời gian, ngành Việt Nam học, trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế đã dần khẳng định được vai trò và tính hiệu quả. Từ kiến thức chuyên môn và kỹ năng được đào tạo, những thế hệ sinh viên tốt nghiệp ra trường, mang theo hoài bão, đam mê và đã lựa chọn gắn bó công việc trên nhiều lĩnh vực như: văn hoá, du lịch, ngôn ngữ và giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài, đáp ứng mục tiêu đào tạo theo khung chương trình và tiêu chuẩn đầu ra của ngành Việt Nam học.

Ngoài đào tạo cử nhân ngành Việt Nam học, hiện tại Khoa có 14 giảng viên với nhiều lĩnh vực chuyên môn và thâm niên nghề nghiệp khác nhau trực tiếp tham gia giảng dạy các học phần môn chung (Dẫn luận ngôn ngữ, Tiếng Việt thực hành, Cơ sở văn hoá Việt Nam, Lịch sử văn minh thế giới, Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu) cho sinh viên các ngành đào tạo khác như:

Sư phạm Tiếng Anh, Ngôn ngữ Anh, Sư phạm tiếng Trung Quốc, Ngôn ngữ Trung Quốc, Sư phạm tiếng Pháp, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Quốc tế học. Bên cạnh đó, vào năm 2004, ngành Việt Nam học được giao nhiệm vụ đào tạo tiếng Việt cho người nước ngoài với các chương trình 3+1, 2+2, 1 năm, ngắn hạn, theo nhu cầu...; Năm 2008, Khoa được cấp phép đào tạo Cử nhân tiếng Việt và văn hóa Việt Nam cho người nước ngoài. Trong suốt 18 năm qua, các học viên người nước ngoài đến học tiếng Việt tại khoa khá đa dạng về quốc tịch như: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan, Mỹ, Úc, Pháp... Trình độ của các học viên cũng khác nhau, có những học viên đã học tiếng Việt tại đất nước họ từ 1 đến 2 năm, cũng có những học viên chưa từng học tiếng Việt.

3. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình triển khai và thực hiện, đề tài đã áp dụng các phương pháp nghiên cứu thuộc các lĩnh vực khoa học xã hội phối hợp với phương pháp nghiên cứu liên ngành. Cụ thể:

- Phương pháp tiếp cận liên ngành: Đề tài là sự kết hợp những thông tin, kiến thức từ nhiều chuyên ngành khác nhau như giảng dạy ngôn ngữ, văn hoá, xã hội... nên việc sử dụng phương pháp này trong nghiên cứu sẽ giúp cho quá trình tìm hiểu tài liệu dễ dàng hơn cũng như có thể liên kết được những nội dung các ngành khác nhau.

- Phương pháp thu thập và xử lý dữ liệu

Phương pháp thu thập dữ liệu: Đề tài áp dụng hai phương pháp thu thập dữ liệu, đó chính là thu thập dữ liệu sơ cấp và thu thập dữ liệu thứ cấp. Về phương pháp thu thập dữ liệu sơ cấp: Đề tài đã lựa chọn việc thu thập dữ liệu bằng cách: Điều tra những sinh viên đã tốt nghiệp từ khoá K4 - K14 bằng bảng hỏi để tìm hiểu về nhu cầu cũng như làm rõ những vấn đề đặt ra của đề tài. Bên cạnh đó, việc sử dụng phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp cũng vô cùng cần thiết và quan trọng. Đề tài đã sử dụng các tài liệu thứ cấp như: Khung chương trình đào tạo, sách, báo, tạp chí.

Phương pháp xử lý dữ liệu: Để xử lý được dữ liệu, đề tài đã sử dụng các phương pháp phân tích định tính, định lượng, phương pháp so sánh đối chiếu, phương pháp thống kê, phân tích tổng hợp dữ liệu, để có thể cho ra kết quả, bám sát thực tế, mang lại những thông tin chân thực khách quan nhất có thể.

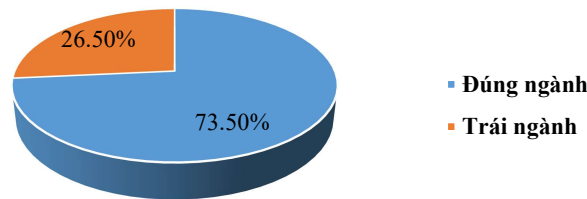
- Phương pháp phân tích SWOT: Sử dụng phương pháp nhằm làm rõ điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức về vấn đề việc làm của sinh viên. Phân tích về các điểm mạnh như: tận dụng các cơ hội bên ngoài của thế giới và Việt Nam về các vấn đề du lịch, nhu cầu học tiếng Việt và văn hóa Việt Nam. Từ các điểm mạnh, ngành đào tạo cũng sẽ định hướng được xu thế công việc phù hợp và các cơ hội việc làm cho sinh viên nắm bắt và lựa chọn.

4. Kết quả nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu đạt được thông qua quá trình khảo sát 65 sinh viên đã tốt nghiệp ngành Việt Nam học (từ khoá K4 đến khoá K14) trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế và việc tổng hợp kiến thức từ nhiều nguồn cứ liệu khác nhau đã giúp cho đề tài trở nên hoàn thiện hơn.

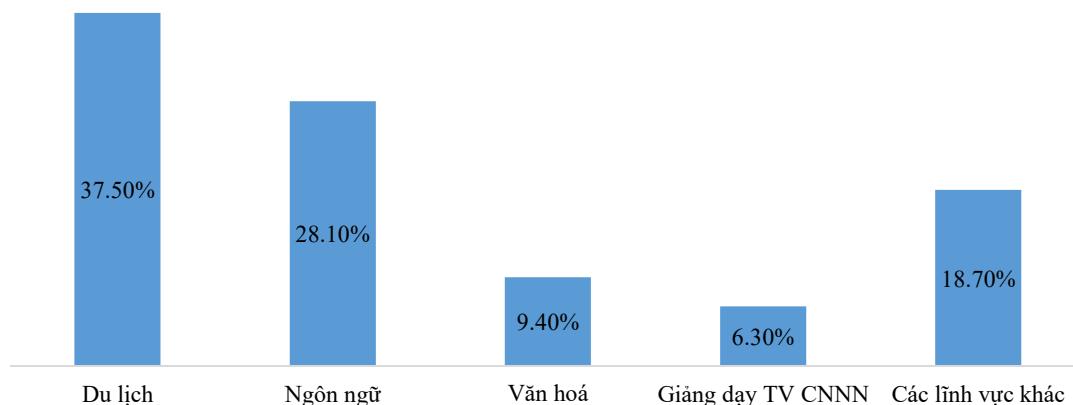
4.1 Thực trạng việc làm của sinh viên tốt nghiệp ngành Việt Nam học, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế

Dựa theo kết quả khảo sát ngẫu nhiên 65 sinh viên bằng bảng hỏi, tỷ lệ sinh viên ra trường có việc làm chiếm 100%, trong đó 73,5% sinh viên làm việc theo đúng chuyên ngành đào tạo và 26,5% sinh viên làm việc trái ngành. Kết quả này cũng là một tín hiệu đáng mừng cho thấy sự chủ động trong việc nắm bắt cơ hội việc làm của sinh viên ngành Việt Nam học. Chúng ta có thể nhận thấy điều này ở biểu đồ 2.



Biểu đồ 2. Tỷ lệ việc làm của sinh viên sau khi ra trường

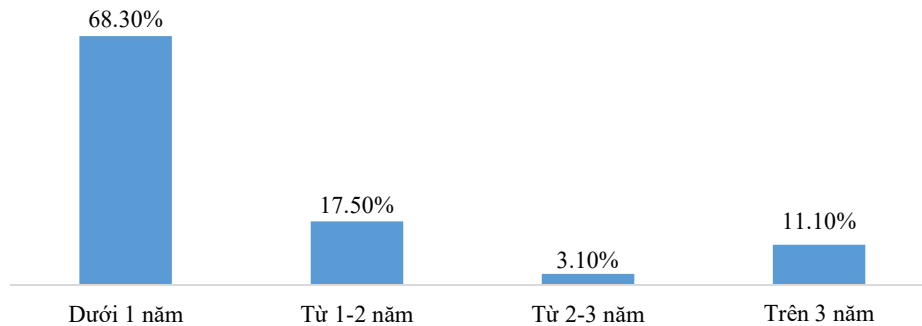
Ngành Việt Nam học đào tạo các nội dung liên quan: ngôn ngữ, văn hoá và du lịch. Nhờ chính sách mở cửa của Đảng và Nhà nước nên hiện nay, sự tồn tại của các doanh nghiệp nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam cũng phần nào tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho người dân Việt Nam nói chung và nhu cầu học tiếng Việt dành cho người nước ngoài nói riêng; Bên cạnh đó, việc mở cửa đón khách quốc tế đi du lịch ở Việt Nam cũng tác động đến sự phát triển của ngành du lịch, đòi hỏi nguồn lực lao động phục vụ cho lĩnh vực này là vô cùng cấp thiết. Đó là những điểm mạnh tác động đến thị trường việc làm cho sinh viên tốt nghiệp từ ngành Việt nam học. Vì vậy, sinh viên ra trường làm việc đúng theo chuyên ngành chiếm tỉ lệ cũng khá cao. Điều này được thể hiện rõ trong biểu đồ 3.



Biểu đồ 3. Tỷ lệ công việc liên quan đến các lĩnh vực

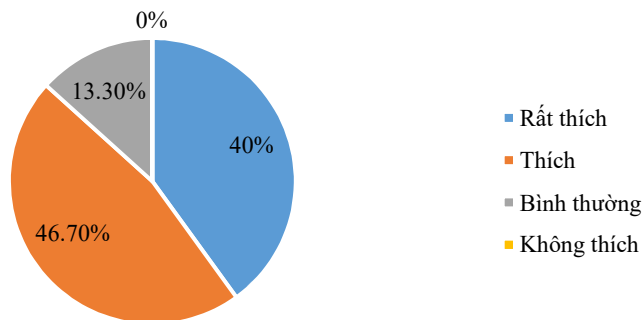
Dựa vào biểu đồ 3, chúng ta có thể nhận thấy, đa phần sinh viên ra trường làm việc trên lĩnh vực liên quan đến du lịch 37,5% và ngôn ngữ 28,1%, 9,4% sinh viên làm việc trên lĩnh vực văn hoá, 6,3% sinh viên tham gia giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài và số còn lại 18,7% làm việc trên các lĩnh vực khác. Các lĩnh vực khác khi được khảo sát cho ra kết quả cụ thể như sau: Dịch vụ, Luật, Thương mại, Giải trí, Hành chính nhân sự, Tư vấn và chăm sóc khách hàng, Giáo dục, Sale, Thiết kế đồ hoạ, Tài chính, Logistics, Ẩm thực...

Từ sự đa dạng trong các lĩnh vực nghề nghiệp thể hiện trong biểu đồ 3, kết quả điều tra còn chỉ ra những công việc cụ thể mà sinh viên đã và đang đảm nhận là vô cùng phong phú với các vị trí từ nhân viên, giám sát, trưởng bộ phận, quản lý và cả chủ doanh nghiệp, cụ thể như: Hướng dẫn viên du lịch; Điều hành tour; Lễ tân khách sạn; Quản lý và điều hành tour; Giám sát viên; Nhân viên buồng phòng; Nhân viên kinh doanh tại khách sạn; Nhân viên bán tour; Nhân viên chăm sóc khách hàng; Nhân viên nhà hàng; Nhân viên kinh doanh, đặt phòng; Chuyên viên phòng đào tạo, kinh doanh mảng lưu trú du lịch; Giám sát bán hàng; Giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài; Giáo viên tiếng anh tiểu học, trung học phổ thông và trung tâm; Giảng viên; Luật sư; Nhân viên văn phòng; Quản lý kênh Youtube; Tuyển dụng đào tạo và quan hệ lao động; Nhân viên văn phòng thương mại quốc tế; Quản lý công ty (bao gồm tất cả các bộ phận); Chuyên viên đối ngoại kỹ thuật; Chuyên viên điều phối dự án... Kết quả này cho thấy, hiện nay, cơ hội việc làm dành cho đối tượng sinh viên Việt Nam học rất đa dạng.



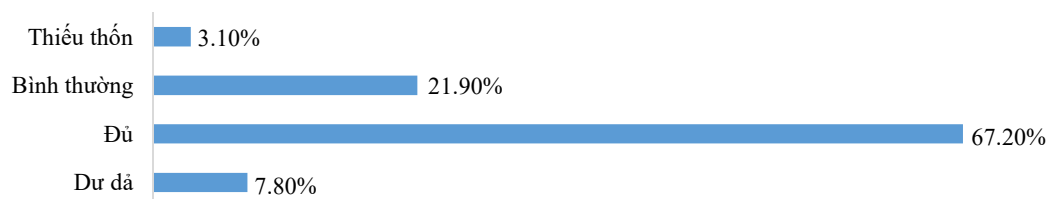
Biểu đồ 4. Thời gian để tìm được công việc sau khi ra trường

Biểu đồ 4 cho thấy, để tìm được công việc hiện tại, 68,3% sinh viên mất thời gian dưới 1 năm, 17,5% sinh viên mất thời gian từ 1 - 2 năm, 3,1% sinh viên mất thời gian từ 2 - 3 năm và 11,1% sinh viên mất thời gian trên 3 năm. Như vậy, đa phần các sinh viên cũng đã chủ động thông qua các kênh thông tin khác nhau, nắm bắt cơ hội để có thể sớm tìm cho mình được một công việc phù hợp sau khi ra trường.



Biểu đồ 5. Mức độ yêu thích đối với công việc hiện tại

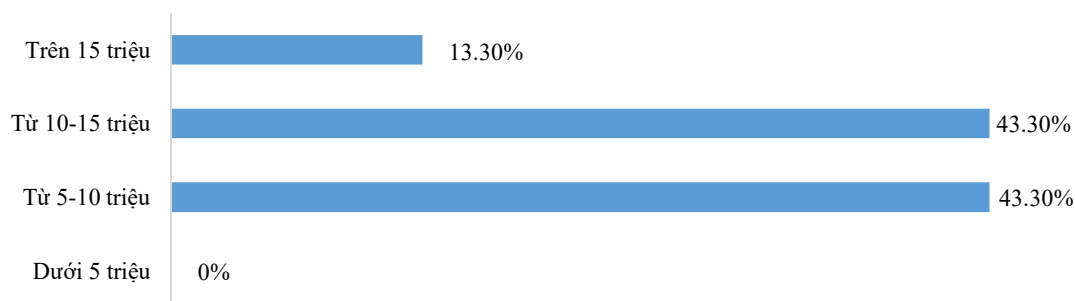
Mức độ yêu thích đối với công việc hiện tại của sinh viên được thể hiện trong biểu đồ 5, đa phần sinh viên đều lựa chọn rất thích 40% và thích 46,7%, số ít còn lại lựa chọn bình thường 13,3% và không có sinh viên nào lựa chọn không thích. Tỷ lệ trên là một tín hiệu tích cực, có thể dẫn tới những tác động về thời gian gắn bó và cống hiến cho công việc hiện tại cũng như tạo ra nhiều động lực, đam mê và sáng tạo trong công việc trên hầu hết các lĩnh vực khác nhau.



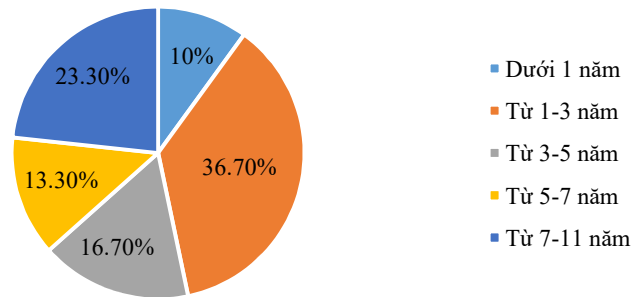
Biểu đồ 6. Mức độ hài lòng với thu nhập hiện tại

Nhìn vào biểu đồ 6 về mức độ hài lòng với thu nhập hiện tại, chúng ta có thể thấy, có 67,2 % sinh viên cho rằng mức thu nhập hiện tại là đủ, mức thu nhập dư dả chiếm 7,8%, mức thu nhập bình thường chiếm 21,9% và mức thu nhập thiếu thốn chiếm 3,1%. Thu nhập bình quân của cá nhân đáp ứng đủ về nhu cầu cuộc sống hay không còn phụ thuộc phần lớn vào mức độ chi tiêu khác biệt của từng cá nhân, đây là một tiêu chí khó để đánh giá một cách chính xác nhất, nhưng về mặt khách quan thì kết quả cũng chỉ ra được rằng, đa phần mức thu nhập đối với sinh viên tốt nghiệp từ ngành Việt Nam học vẫn đủ và dư dả cho chi tiêu.

Nghiên cứu còn khảo sát cụ thể hơn về những sinh viên làm việc trên lĩnh vực du lịch. Kết quả khảo sát những đối tượng này về mức thu nhập ở biểu đồ 7 và thời gian gắn bó với công việc ở biểu đồ 8 phần nào cho thấy các yếu tố như niềm yêu thích, mức thu nhập và thời gian gắn bó có sự tác động qua lại lẫn nhau như một sự tất yếu.



Biểu đồ 7. Mức thu nhập trung bình mỗi tháng về công việc liên quan đến du lịch

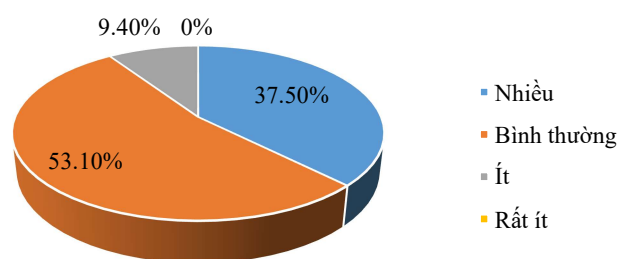


Biểu đồ 8. Thời gian làm việc trong lĩnh vực du lịch

Mức thu nhập bình quân ổn định ở biểu đồ 7 sẽ là tiêu chí tác động đến việc gắn bó lâu dài với công việc của sinh viên ở biểu đồ 8. Kết quả khảo sát về mức thu nhập của đối tượng sinh viên tốt nghiệp làm việc trên lĩnh vực du lịch tại biểu đồ 7 cho thấy tín hiệu đáng mừng khi hầu hết sinh viên đều có mức lương đáp ứng từ 5 triệu – 15 triệu. Như vậy, các công việc trên lĩnh vực du lịch là một trong những nhân tố quan trọng đáp ứng nhiều nhu cầu về cuộc sống của sinh viên. Khi vừa tốt nghiệp, sinh viên ngành Việt Nam học đã không bỏ lỡ cơ hội việc làm, chủ động nắm bắt thông tin qua nhiều kênh khác nhau. Biểu đồ 8 đã chỉ ra được thời gian gắn bó đối với công việc của sinh viên trên lĩnh vực du lịch, thời gian dài hay ngắn là sự tương ứng với thời gian sau khi tốt nghiệp của sinh viên. Đối với 23% sinh viên làm việc từ 7 – 11 năm và không thay đổi công việc đến từ các sinh viên tốt nghiệp từ những khoá đầu tiên, tương tự, 10% dưới 1 năm và 36,7% từ 1 – 3 năm là những lựa chọn của các đối tượng sinh viên tốt nghiệp trong khoảng thời gian gần đây nhất. Điều này chứng tỏ, ngành nghề trên lĩnh vực du lịch mang lại nhiều cơ hội và sự ổn định cho sinh viên tốt nghiệp từ ngành Việt Nam học, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế.

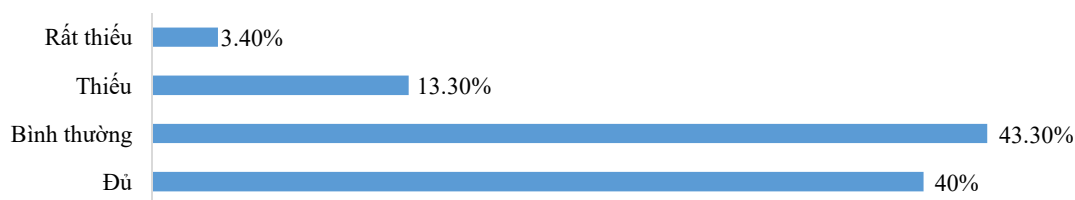
4.2 Đánh giá của sinh viên đối với cơ hội việc làm và một số yếu tố liên quan đến ngành đào tạo

Từ thực tiễn đào tạo ngành Việt Nam học và từ khảo sát các đối tượng sinh viên sau khi ra trường tại các biểu đồ trên, chúng ta phần nào nhận thấy được sự đa dạng trong công việc của sinh viên tốt nghiệp từ ngành Việt Nam học. Điều này một lần nữa được mô tả cụ thể hơn tại biểu đồ 9 về cơ hội việc làm của ngành Việt Nam học sau khi ra trường, 90,6% sinh viên cho rằng có nhiều cơ hội, chỉ 9,4% sinh viên cho rằng ít cơ hội. Tuy nhiên, chúng ta cũng cần nhìn nhận rõ rằng, thị trường lao động luôn sôi nổi nhưng nó còn phụ thuộc vào khả năng nắm bắt cơ hội cũng như nhu cầu, mong muốn của sinh viên trong việc lựa chọn công việc phù hợp với năng lực của bản thân.



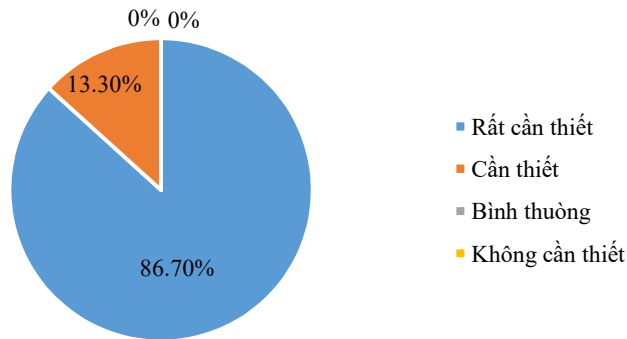
Biểu đồ 9. Cơ hội việc làm của ngành Việt Nam học

Hiệu quả công việc đạt được một phần đến từ sự nỗ lực của cá nhân nhưng một phần cũng thể hiện được chất lượng trong việc giáo dục, đào tạo. Trong quá trình làm việc, sinh viên tốt nghiệp ngành Việt Nam học nhận thấy vẫn còn thiếu nhiều kỹ năng mềm, nhiều kinh nghiệm được thực hành và trải nghiệm về các nội dung liên quan đến ngành học cũng như các học phần chuyên ngành vẫn chưa thực sự được đào tạo chuyên sâu. Điều này thể hiện rõ trong biểu đồ 10.



Biểu đồ 10. Nội dung các học phần chuyên ngành và mức độ đáp ứng nhu cầu công việc hiện tại

Để đáp ứng yêu cầu công việc hiện tại, sinh viên tốt nghiệp ngành Việt Nam học thường đăng ký học thêm nghiệp vụ Hướng dẫn viên du lịch và nghiệp vụ sư phạm. Ngoài ra, sinh viên đều mong muốn được đào tạo thêm nghiệp vụ để phục vụ cho công việc sau khi ra trường, bởi dung lượng kiến thức về các học phần khối chuyên ngành theo sinh viên là vẫn còn chưa đáp ứng đủ. Chính vì vậy, việc đào tạo thêm các nghiệp vụ, kỹ năng liên quan đến ngành học như: Nghiệp vụ lễ tân, nghiệp vụ nhà hàng, kỹ năng phỏng vấn, kỹ năng giao tiếp qua điện thoại, nghiệp vụ buồng phòng, nghiệp vụ điều hành tour, kỹ năng mềm và xử lý tình huống... là điều vô cùng cần thiết đối với cơ sở đào tạo khi nắm bắt được những nhu cầu của sinh viên và yêu cầu của thị trường lao động. Điều đó phần nào cũng cho thấy được sự quan tâm kịp thời của cơ sở đào tạo khi nhận được sự phản hồi từ phía người học. Mức độ quan tâm về việc đào tạo nghiệp vụ được thể hiện ở biểu đồ 11, có 86,7% sinh viên chọn rất cần thiết, 13,3% sinh viên chọn cần thiết và không có sinh viên chọn bình thường và không cần thiết.



Biểu đồ 11. Mức độ cần thiết đối với việc đào tạo thêm nghiệp vụ liên quan đến nghề nghiệp

5. Thảo luận và đề xuất

Từ những kết quả phân tích trên, cùng những kiến nghị của sinh viên thông qua khảo sát bảng hỏi, chúng tôi có một số đề xuất nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, cải thiện chất lượng nguồn nhân lực nhằm góp phần gia tăng thêm cơ hội việc làm sau khi ra trường của sinh viên ngành Việt Nam học, cụ thể như sau:

Đối với cơ sở đào tạo:

Trên cơ sở thực tế việc làm của sinh viên, cần nắm bắt những nhu cầu, mong muốn về việc đào tạo chuyên sâu kiến thức chuyên ngành, gia tăng các học phần chuyên ngành với một số lĩnh vực nghề nghiệp trọng yếu, đặc biệt là du lịch. Từ đó, giúp sinh viên ra trường có thêm nhiều cơ hội việc làm và kiến thức hơn.

Tăng cường liên kết với các cơ sở đào tạo nghiệp vụ, các doanh nghiệp, công ty du lịch, các cơ quan, ban ngành để tổ chức những buổi trao đổi kiến thức về việc làm, tiêu chuẩn tuyển chọn, về chuyên môn, về kỹ năng nghề nghiệp... Ngoài ra, tăng cường hợp tác với các đối tác nước ngoài tin cậy nhằm trao đổi sinh viên giữa các trường, thực hành giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài, quảng bá về văn hoá Huế, văn hoá Việt Nam và mở rộng cơ hội việc làm cho sinh viên ngành Việt Nam học.

Học phần Thực tế, Thực tập nên được chú trọng gia tăng nhằm giúp sinh viên có thêm kiến thức, kỹ năng xử lý tình huống đối với các công việc liên quan ngành học, cũng như làm quen với những môi trường và cơ hội việc làm mới.

Tổ chức những kỳ thi cấp chứng chỉ, nghiệp vụ đáp ứng cho nhu cầu việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp như: Phương pháp giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài hay các nghiệp vụ liên quan lĩnh vực du lịch.

Đối với giảng viên:

Giảng viên cần phải là người có sự hiểu biết đúng, đủ về ngành Việt Nam học để có những định hướng phù hợp cho sinh viên trong học tập và công việc, đặc biệt là những đối tượng sinh viên năm đầu tiên khi vẫn còn rất mơ hồ và hoang mang về ngành học.

Cần giảng dạy theo đúng mục tiêu đề ra trong học phần. Gia tăng các tiết học thực hành thay cho lý thuyết đối với các học phần liên quan nhiều đến thị trường việc làm chủ yếu được sinh viên lựa chọn như: du lịch, giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài.

Bên cạnh đó, giảng viên cũng cần nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Tham gia các khoá bồi dưỡng, tập huấn ngắn hạn hay dài hạn về nội dung liên quan tới các học phần có tham gia giảng dạy khi có cơ hội để nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng nhằm phục vụ cho việc giảng dạy và nâng cao chất lượng đào tạo.

Đối với sinh viên:

Khi còn ngồi trên ghế nhà trường cần tích cực học tập, đặc biệt là ngoại ngữ và tham gia các hoạt động để trau dồi kiến thức, kỹ năng mềm và kỹ năng xử lý các tình huống. Bên cạnh đó, từ những nội dung được giảng viên truyền đạt, sinh viên cũng cần phải đầu tư tìm hiểu, nghiên cứu để có những hiểu biết nhất định về ngành Việt Nam học. Từ đó, sinh viên có thể chủ động nắm bắt thông tin qua nhiều kênh khác nhau để có thể sớm tìm cho mình được một công việc đúng chuyên ngành, đúng đam mê, mang lại thu nhập và tạo nhiều động lực phấn đấu trong tương lai.

6. Kết luận

Kết quả nghiên cứu một lần nữa đi đến khẳng định, sinh viên tốt nghiệp ngành Việt Nam học, trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế có rất nhiều cơ hội việc làm sau khi ra trường, đặc biệt là các công việc liên quan đến lĩnh vực du lịch vẫn chiếm số lượng không nhỏ. Các công việc sau khi ra trường của sinh viên đáp ứng phần nhiều về đam mê, niềm yêu thích cũng như mức thu nhập đảm bảo cho những nhu cầu của cuộc sống. Tuy nhiên, đứng dưới góc độ người học, sinh viên cũng đã chỉ ra một số vấn đề cần cải thiện trong khung chương trình đào tạo, cụ thể là gia tăng thêm các học phần chuyên ngành cũng như các nghiệp vụ liên quan. Từ đó, chú trọng đào tạo chuyên sâu hơn để tạo nên nền tảng vững chắc về kiến thức và sáng tạo trong kỹ năng để sinh viên có thể chủ động và thành công hơn trong công việc sau khi ra trường. Bài nghiên cứu cũng đưa ra một số đề xuất với mong muốn ngành Việt Nam học sẽ ngày càng hoàn thiện để khẳng định được vai trò, vị thế, gia tăng số lượng người học không chỉ trong nước mà cả nước ngoài với chất lượng đảm bảo trên các lĩnh vực nghề nghiệp khác nhau.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. B. Slavicka, (2019), “Chương trình giảng dạy tiếng Việt và Việt Nam học tại Đại học Charles - Cộng hòa Séc”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế Nghiên cứu, giảng dạy tiếng Việt và Việt Nam học trong trường Đại học*, NXB ĐHQG, tr. 48 - 57, Hà Nội.
2. Đại học Quốc gia Hà Nội - Trung tâm KHXH&NVQG, (1998), *Hội thảo Quốc tế về Việt Nam học lần thứ nhất*, NXB Thế giới, Hà Nội.
3. Đại học Quốc gia Hà Nội - Trung tâm KHXH&NVQG, (2004), *Việt Nam trên đường phát triển và hội nhập: truyền thống và hiện đại, Hội thảo Quốc tế về Việt Nam học Lần thứ hai*, TP HCM.
4. Võ Minh Giang, (2018), “Sự phát triển của Việt Nam học tại một số nước trong thế kỷ XX”, NXB ĐHQG Hà Nội, Hà Nội.
5. Hồ Viết Hoàng, Trần Mai Phụng, (2022), “Một số vấn đề cơ bản về Việt Nam học và Việt Nam học hiện đại”, *Tạp chí Khoa học trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng*, số đặc biệt 12/2022, tr. 607-614.
6. Huỳnh Trường Huy, Đoàn Thị Tuyết Kha, Nguyễn Thị Tú Trinh, (2019), “Nhận thức nghề nghiệp của sinh viên ngành du lịch tại các trường cao đẳng, đại học trên địa bàn thành phố Cần Thơ”, *Tạp chí nghiên cứu dân tộc*, số 8, tr. 65 - 70.
7. Nguyễn Trọng Nhân, Nguyễn Mai Quốc Việt, Lý Mỹ Tiên, (2015), “Thực trạng việc làm của sinh viên ngành Việt Nam học (hướng dẫn viên du lịch) tốt nghiệp từ trường Đại học Cần Thơ”, *Tạp chí khoa học trường Đại học Cần Thơ*, số 39, tr. 102 - 109.
8. Nguyễn Quang Ngọc, (2008), “Việt Nam học ở Việt Nam trên con đường hội nhập và phát triển”, *Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế về Việt Nam học lần thứ 3*, Hà Nội, tr. 3 - 4, Hà Nội.
9. Nguyễn Thị Việt Thanh, Phạm Thị Thương Thương, Lê Thúy Hằng, (2019), “15 năm hoạt động đào tạo của Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc tế Khu vực học - Việt Nam học: Định hướng nghiên cứu và đào tạo*, tr. 1089, Hà Nội.
10. Phạm Hồng Tung, (2019), “Khu vực học: những chặng đường phát triển, định hướng và thách thức”, *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc tế Khu vực học - Việt Nam học: định hướng nghiên cứu và đào tạo*, NXB ĐHQG Hà Nội, tr. 30 - 50, Hà Nội.
11. Trương Quang Hải, (2008), “Thực trạng đào tạo ngành Việt Nam học ở Việt Nam hiện nay”, *Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế về Việt Nam học lần thứ 3*, tr. 469 - 481, Hà Nội.
12. Phan Thị Yến Tuyết, (2011), “Tiếp cận lý thuyết và một số phương pháp cần được giảng dạy trong ngành VNH”, *Kỷ yếu Hội thảo Việt Nam học và tiếng Việt: các hướng tiếp cận*,

Trường ĐHKHXH&NV. ĐHQG TPHCM, Thành phố Hồ Chí Minh.

13. Khoa Việt Nam học, ĐH Ngoại ngữ, ĐH Huế, (2017), “Chương trình giáo dục đại học theo học chế tín chỉ - ngành Việt Nam học”.